

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54 /2017/HSST
Ngày: 22 - 8 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Lâm.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Xuân Chiến.

Ông Nguyễn Thanh Tuyên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thư - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 57/2017/HSST ngày 28 tháng 7 năm 2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2017/HSST - QĐ ngày 09/8/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Cao Văn D - Sinh năm 1975.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Xóm L, xã G, huyện, tỉnh N.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: lớp 3/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt nam; Con ông: Cao Xuân K và bà Nguyễn Thị N; Vợ là: Nguyễn Thị M; Có hai con lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2001.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam tính từ ngày bắt tạm giữ 06/6/2017 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Nam Định.

*Người bị hại: Chị Nguyễn Thị Minh H - Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Đội 18, xóm X, xã B, huyện G, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Có mặt bị cáo; Chị H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 7h giờ, ngày 03/6/2017 Cao Văn D điều khiển xe mô tô BKS 18F5- 0467 đến cây xăng thuộc tổ dân phố Lâm Quý, Thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy do chị Nguyễn Thị Minh H quản lý để đổ xăng. Khi đến cây xăng D phát hiện trên bàn uống nước bên trong cửa hàng bán xăng, cách cabin bơm xăng khoảng 10m có số tiền 3.200.000 đồng buộc bằng dây nịt màu vàng, D nhìn không thấy ai, D liền tiến lại bàn uống nước lấy số tiền bỏ vào túi quần ra xe đi về xã Giao Phong. D đã dùng số tiền vừa trộm cắp được đến cửa hàng điện thoại của anh Nguyễn Văn V mua một chiếc điện thoại sam sung Galaxy A9 với giá 1.700.000 đồng, số tiền còn lại D tiêu sài cái nhân hết.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm pháp của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 59/TCR ngày 27/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy truy tố bị cáo Cao Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi lấy trộm số tiền 3.200.000 đồng của chị Nguyễn Thị Minh H. Như vậy hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản”. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội “ Trộm cắp tài sản” Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138. Điểm h,p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 3.200.000 đồng bị cáo lấy trộm của chị Nguyễn Thị Minh H Cơ quan điều tra đã thu giữ được 1.700.000 đồng và 1.500.000 đồng là số tiền gia đình D tự nguyện khắc phục hậu quả. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là chị Nguyễn Thị Minh H. Nay chị H không yêu cầu gì nên vấn đề bồi thường dân sự không đặt ra.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo nói lời sau cùng, bị cáo trình bày bản thân nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo xin miễn hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giao Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị Hằng, bị cáo Cao Văn D đã lén lút lấy trộm 3.200.000 đồng của chị H. Như vậy hành vi của bị cáo Cao Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, bị cáo có đủ khả năng nhận thức hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng cũng chỉ vì lòng tham không kìm chế được nên cố ý thực hiện dẫn đến phạm tội.

Khi quyết định hình phạt, HĐXX xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo như sau.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, vợ bị cáo đã tự nguyện bồi thường tài sản cho người bị hại. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h,p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử thấy cần phải xử lý bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định đủ để bị cáo cải tạo khi trở về cộng đồng là công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy điều kiện kinh tế của gia đình bị cáo rất khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Đối với anh Nguyễn Văn V là người bán chiếc điện thoại cho D nhưng anh V không biết việc D đã dùng tiền trộm cắp để mua điện thoại nên không đặt ra vấn đề xử lý. Quá trình điều tra cơ quan đã thu lại số tiền 1.700.000 đồng và trả lại chiếc điện thoại Sam Sung GaLaxy A9 cho anh Nguyễn Văn V, nay anh V không yêu cầu gì nên vấn đề xử lý không đặt ra.

Đối với chiếc mô tô BKS18F5 - 0467, Du sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị M (là vợ D) Khi Du dùng xe để thực hiện hành vi phạm tội chị M không biết nên vấn đề xử lý không đặt ra.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 231 và Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Cao Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Cao Văn D 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2017.

2. Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Cao Văn D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Theo quy định tại Điều 231 và Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định.
- VKSND huyện Giao Thủy.
- Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định.

- Nhà tạm giữ Công an huyện Giao Thủy.
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy.
- Bị cáo, Người bị hại.
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thanh Lâm